

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 377/2018/HS-PT

Ngày 22/11/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên

Ngày 22/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 351/2018/TLPT-HS ngày 29/10/2018, đối với bị cáo Y C. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2018/HS-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Y C**, sinh ngày 27/8/1980 tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y X và bà H S; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30 tháng 4 năm 2018 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Đình K – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người bị hại: Anh Bùi Tấn T, sinh năm 1973 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Bùi T, sinh năm 1975 (em trai ruột được gia đình ủy quyền tham gia tố tụng); Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch cho bị cáo Y C: Ông Y T – sinh năm 1970 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/02/2018, Y C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 292.xx, đi trên đường Quốc lộ 27 theo hướng từ tỉnh L đi thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với tốc độ khoảng 70km/h. Khi Y C điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường gần cầu số 17, tại Km 53 + 400m Quốc lộ 27, thuộc địa phận buôn K, xã Đ, huyện L, Y C không chú ý quan sát trên đường mà chỉ tập trung nhìn về phía bên phải theo hướng đường nhánh giao nhau với đường Quốc lộ 27 đi vào trường tiểu học L nên Y C đã điều khiển xe mô tô đi lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi khoảng 01m so với tâm đường. Cùng thời điểm này, anh Bùi Tấn T đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47FF – 76yy đi ngược chiều lại. Khi nghe tiếng xe mô tô đang đi ngược chiều lại, lúc này Y C mới quay sang quan sát các phương tiện đang lưu thông trên đường phía trước. Nhưng do khoảng cách giữa hai xe mô tô quá gần (khoảng 5m đến 6m) và không làm chủ tốc độ nên Y C đã không kịp xử lý, dẫn đến xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 292.xx do Y C điều khiển đã va chạm trực diện vào xe mô tô biển kiểm soát 47FF – 76yy do anh T điều khiển đang đi ngược chiều lại. Hậu quả làm anh Bùi Tấn T bị tử vong tại chỗ, Y C bị thương được người dân đưa đi cấp cứu, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/02/2018 xác định: Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra trên cầu đường bộ số 17 Km 53 + 400m đường Quốc lộ 27, thuộc địa phận buôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, tầm nhìn không bị hạn chế. Chiều dài cây cầu số 17 là 29m, mặt cầu nơi xảy ra tai nạn được trải bê tông nhựa, rộng 700cm, hai bên thành cầu mỗi bên rộng 100cm và cao 100cm. Giáp cây cầu số 17, bên lề đường bên phải theo hướng tỉnh L đi thành phố B là đường nhánh đi vào trường tiểu học L, được trải bê tông xi măng, bề rộng mặt đường là 470cm. Cách trung tâm hiện trường khoảng 60m về hướng tỉnh L có biển báo hiệu giao thông đường bộ “Giao nhau với đường không ưu tiên” và “Nguy hiểm có trẻ em qua đường”. Quá trình khám nghiệm hiện trường lấy mép cầu bên trái hướng tỉnh L đi thành phố B làm mép đường chuẩn, lấy cột mốc Km 53 + 400m làm mốc cố định cho các số đo vị trí dấu vết và phương tiện tại hiện trường. Sử dụng phương pháp cuốn chiếu, hướng tỉnh L đi thành phố B để tiến hành khám nghiệm hiện trường. Tại hiện trường phát hiện:

- Dấu vết bình ắc quy điện, được ký hiệu là (1) trong sơ đồ hiện trường, dấu vết có kích thước (50 x 20)cm. Đo từ tâm dấu vết đến mép chuẩn là 295cm và đo đến mốc cố định là 930cm;

- Xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 292.xx, được ký hiệu là (2) trong sơ đồ hiện trường. Sau khi xảy ra va chạm, xe nằm ngã nghiêng qua bên trái, đầu xe quay chéo về hướng thành phố B, đuôi xe quay theo hướng ngược lại. Đo từ tâm trục bánh sau xe đến mép đường chuẩn là 94cm, đo đến tâm dấu vết (1) là 28cm và đo đến mốc cố định là 1070cm. Đo từ tâm trục bánh trước xe đến mép đường chuẩn là 65cm và đo đến tâm dấu vết (1) là 385cm;

- Phát hiện khu vực có nhiều dấu vết bề vỡ, được ký hiệu là (3) trong sơ đồ hiện trường, dấu vết có kích thước (150 x 70)cm. Đo từ tâm dấu vết đến mép đường chuẩn là 354cm và đo đến tâm trục bánh sau xe (2) là 270cm;

- Phát hiện khu vực có nhiều dấu vết màu nâu (nghi đất), được ký hiệu là (VĐ) trong sơ đồ hiện trường, kích thước dấu vết (50 x 50)cm. Đo từ tâm dấu vết đến tâm dấu vết (3) là 60cm;

- Xe mô tô biển kiểm soát 47FF – 76yy, được ký hiệu là (4) trong sơ đồ hiện trường. Sau khi xảy ra va chạm, xe nằm ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay về hướng thành phố B, đuôi xe quay theo hướng ngược lại. Đo từ tâm trục bánh sau xe đến mép đường chuẩn là 244cm, đo đến tâm dấu vết (3) là 125cm và đo đến mốc cố định là 1210cm. Đo từ tâm trục bánh trước xe đến mép đường chuẩn là 284cm và đo đến tâm dấu vết (3) là 227cm;

- Dấu vết hằn khuyết chà xước, được ký hiệu là (4a) trong sơ đồ hiện trường. Dấu vết có kích thước như sau: dấu vết hằn khuyết có kích thước là (02 x 01 x 0,2)cm, dấu vết chà xước có kích thước là (10 x 0,1)cm, hai dấu vết cách nhau 30cm. Đo từ vị trí gần nhất của dấu vết hằn khuyết đến mép đường chuẩn là 242cm và đo đến tâm dấu vết (VĐ) là 60cm. Đo từ vị trí gần nhất của dấu vết chà xước đến tâm dấu vết (VĐ) là 40cm.

- Phát hiện khu vực có nhiều dấu vết nhiên liệu và mảnh vỡ, được ký hiệu là (5) trong sơ đồ hiện trường, kích thước dấu vết là (250 x 230)cm. Đo từ tâm dấu vết đến mép đường chuẩn là 115cm và đo đến tâm trục bánh sau xe (4) là 150cm;

- Phát hiện 01 tử thi, được ký hiệu là (6) trong sơ đồ hiện trường, kích thước tử thi là (140 x 49)cm, đầu tử thi quay về hướng đối diện mép đường chuẩn, chân tử thi quay về hướng ngược lại. Đo từ đỉnh đầu tử thi đến mép

đường chuẩn là 370cm và đo đến tâm dấu vết (5) là 265cm. Đo từ giữa 02 chân tử thi đến mép đường chuẩn là 275cm và đo đến tâm dấu vết (5) là 190cm;

- Dấu vết vỡ kim loại, được ký hiệu là (7) trong sơ đồ hiện trường, kích thước dấu vết là (60 x 05)cm. Đo từ tâm dấu vết đến mép chuẩn là 370cm và đo đến đỉnh đầu tử thi (6) là 500cm.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số 116/PY-T.Th ngày 20/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Anh Bùi Tấn T tử vong do choáng chấn thương sau tai nạn giao thông.

Bản án hình sự sơ thẩm số:15/2018/HS-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, đã căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Y C 01 năm 03 tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết bồi thường, xử lý vật chứng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2018, bị cáo Y C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Y C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và lời khai tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Y C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo có cung cấp tình tiết xin giảm nhẹ mới, có bố mẹ là người có công với cách mạng: Bố là Phan Trọng X (Y S) được tặng Huân chương độc lập hạng nhì, Huân chương lao động hạng nhì; mẹ là H S được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như người dân tộc thiểu số sống ở khu vực điều kiện khó khăn, khả năng nhận thức còn hạn chế; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bố mẹ là người có công với cách mạng. Bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo giáo dục bản thân dưới sự giám sát giáo dục

của gia đình, địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 – Sửa bản án hình sự sơ thẩm 15/2018/HSST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 260; khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 - Xử phạt bị cáo Y C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế; cha mẹ là người có công với cách mạng. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 28/02/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47H1-292.xx tham gia giao thông trên Quốc lộ 27, đến gần cầu số 17 Km 53+400 thuộc địa phận buôn K, xã Đ, huyện L; do không chú ý quan sát đường đi mà chỉ tập trung nhìn về phía bên phải theo hướng đường nhánh giao nhau với đường Quốc lộ 27 đi vào trường tiểu học L nên Y C đã điều khiển xe mô tô đi lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi so với tâm đường làm va chạm với xe mô tô 47FF-76yy do anh Bùi Tấn T điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả làm anh T tử vong tại chỗ. Hành vi điều khiển xe mô tô không đúng phần đường của Y C, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử Y C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia

giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Y C là phù hợp, cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo trước khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới: Bị cáo có bố, mẹ là người có công với cách mạng (Bố là Phan Trọng X (Y S) được tặng Huân chương độc lập hạng nhì, Huân chương lao động hạng nhì; mẹ là H S được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất). Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng khó khăn nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế; cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành tốt chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và nội quy, quy chế địa phương nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo. Đồng thời, vẫn đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và chính sách khoan hồng của nhà nước ta.

Do đó cần chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Y C được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y C - Sửa bản án sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Y C 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Y C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Y C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- T.H.A HS Công an huyện L;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn